TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ M** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2024/DS-ST
Ngày: 24/07/2024
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Thuận Thảo**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Phạm Thị Ngọc Vân**.
2. Bà **Bùi Thị Thu Nhi**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Kim Ngân -** Thư ký Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M tham gia phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Đoan Trang** – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 07 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 52/2024/TLST- DS ngày 21 tháng 02 năm 2024 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2024/QĐXX-ST ngày 18 tháng 06 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 119/2024/QĐST – DS ngày 05 tháng 07 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn**: Ông **Phùng Văn U**, sinh năm 1963. (Có mặt)

Địa chỉ: B, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. **Bị đơn**: Ông **Đỗ Văn H**, sinh năm 1956. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, TP M, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Tại đơn khởi kiện ngày 21/02/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phùng Văn U trình bày:**

Ông Phùng Văn U và ông Đỗ Văn H có quan hệ bà con bên vợ của ông H (ông U là cậu vợ của ông H, vợ ông H đã mất). Do thấy hoàn cảnh của ông H có khó khăn cần vốn để kinh doanh mua bán mai, nên ông đã giúp đỡ cho ông H mượn số tiền 100.000.000 đồng, hai bên có ra Văn Phòng Công chứng K lập Hợp đồng vay tiền vào ngày 08/03/2023 có thời hạn vay là 04 tháng. Ông đã giao 01 lần số tiền 100.000.000 đồng cho ông H nhận ngày 08/03/2023, ông Hùng có đóng được 01 tháng tiền lãi cho ông rồi ngưng không trả đồng vốn, lãi

nào cho ông dù ông đã đến đòi nhiều lần nhưng ông H cố tình tránh mặt không gặp. Ông H chưa cho ông khoản tiền vốn nào từ ngày hai bên ra Phòng Công chứng lập hợp đồng vay cho đến nay. Ông H cũng không có thế chấp giấy tờ gì cho ông.

Nay ông Phùng Văn U yêu cầu ông Đỗ Văn H phải có trách nhiệm trả cho ông U số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng, ông U không yêu cầu tính lãi. Thời gian trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Đối với bị đơn ông Đỗ Văn H, Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã thực hiện việc niêm yết Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng thủ tục hợp lệ.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M có ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của vụ án là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung: Áp dụng khoản 3 Điều 26, diểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự. Đình chỉ yêu cầu tính lãi đối với số tiền vốn vay 100.000.000 đồng do nguyên đơn rút yêu cầu. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Phùng Văn U. Buộc ông Đỗ Văn H phải trả cho ông Phùng Văn U số tiền vốn vay 100.000.000 đồng. Thời gian trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phùng Văn U thuộc tranh chấp dân sự là "Hợp đồng vay tài sản". Bị đơn ông Đỗ Văn H cư trú tại ấp T, xã T, TP M, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Đỗ Văn H vắng mặt tại phiên tòa không lý do mặc dù đã được tống đạt hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đỗ Văn H.

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phùng Văn U yêu cầu ông Đỗ Văn H phải có trách nhiệm trả cho ông U số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng, ông U không yêu cầu tính lãi. Thời gian trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình trong giai đoạn xét xử, ông Phùng Văn U đã cung cấp cho Tòa án 01 bản gốc Hợp đồng vay tiền ngày 08/03/2023 được lập tại Văn phòng Công chứng K với số tiền nợ là 100.000.000 đồng (bút lục số 42 - 43) và ông U khẳng định ông đã giao cho ông Đỗ Văn H nhận đủ số tiền 100.000.000 đồng và ông H ký tên viết tên và lăn tay trong hợp đồng vay tiền lập tại Văn phòng Công chứng K ngày 08/03/2023 có số công chứng 620, quyển số 01/2023TP/CC-SCC/HĐGD.

[4] Xét thấy đối với bị đơn ông Đỗ Văn H. Sau khi Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã thực hiện việc tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và các và Thông báo dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các thông báo kết quả phiên họp và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp theo đúng thủ tục hợp lệ. Nhưng bị đơn ông Đỗ Văn H không đến dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giả, không nộp bản tự khai, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và ý kiến đối với chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như không có yêu cầu phản tố. Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự cho thấy chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp lệ. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ.

Căn cứ vào Điều 463 Bộ luật dân sự, ông Phùng Văn U yêu cầu ông Đỗ Văn H phải trả số tiền nợ vốn vay là 100.000.000 đồng có lập Hợp đồng vay tiền ngày 08/03/2023 tại Văn phòng Công chứng K (bút lục số 42 - 43) là có cơ sở phù hợp với những điều luật đã viện dẫn ở trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét thấy trong mối quan hệ tranh chấp này, ông Đỗ Văn H là người có lỗi đã vi phạm hợp đồng không trả nợ cho ông Phùng Văn U. Nay ông Phùng Văn U yêu cầu ông Đỗ Văn H trả cho ông U số tiền nợ vốn gốc 100.000.000 đồng, thời gian trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở. Do ông Đỗ Văn H đã vi phạm về thời gian trả nợ và phương thức trả nợ đối với số tiền nợ vốn vay 100.000.000 đồng nên cần buộc ông Đỗ Văn H phải trả số tiền nợ 100.000.000 đồng cho nguyên đơn ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là phủ hợp.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn ông Phùng Văn U có đơn xin miễn tạm ứng án phí thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số nợ phải trả theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 357 Bộ luật dân sự.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Văn U. Buộc ông Đỗ Văn H phải thực hiện nghĩa vụ trả cho ông Phùng Văn U số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Thời gian trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Ông Đỗ Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.000.000 đồng.

Ông Phùng Văn U được miễn nộp tiền tạm ứng án phí quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Thị Thuận Thảo

Nơi nhận:
- *VKSND. TP Mỹ Tho.*
- *Chi cục THADS. TP Mỹ Tho.*
- *Các đương sự. - Lưu hồ sơ.*